TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số:34/2022/HNGĐ-ST Ngày: 04-7-2022 V/v "Ly hôn".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D - TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tín,

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Hòa,
2. Ông Mai Tấn Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện D - tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 316/2021/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2021 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022, Thông báo dời ngày xét xử số 239/2022/TB-TA ngày 06/5/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh T- Sinh năm: 1982, "có mặt"
Địa chỉ: Phú Lộc Đ 2, thị trấn D, D, tỉnh Khánh Hòa.

- *Bị đơn:* Ông Tống Giang N- Sinh năm: 1983, "vắng mặt"
Địa chỉ: Thôn T 1, xã Diên Sơn, huyện D, Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Năm 2009, bà Tvà ông Tống Giang N tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D vào ngày 15/4/2009. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến khoảng năm 2020 thì giữa bà và ông N phát sinh mâu thuẫn, do không cùng quan điểm sống, thường xuyên cãi vả, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Bà T và ông N không còn

chung sống từ tháng 6/2021 cho đến nay và hai bên không khắc phục được mâu thuẫn. Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông Tống Giang N.

Về con chung: Có 02 con chung là Tống Nhật Y - sinh ngày 06/11/2007 và Tống Gia B – sinh ngày 15/01/2013. Hai con chung sinh sống cùng với bà T từ tháng 6/2021 đến nay. Bà T yêu cầu được nuôi hai con chung và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định bà T và ông N không có tài sản chung và nợ chung.

Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với ông Tống Giang N nhưng ông N không đến Tòa án nhân dân huyện D để Tòa án tiến hành thủ tục hòa giải theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bà T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến trình bày nêu trên. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thông báo dời ngày xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Tống Giang Nvắng mặt tại phiên tòa, nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Tống Giang N tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà Txác định bà và ông N phát sinh mâu thuẫn, không khắc phục được nên chung sống không hạnh phúc. Bà T và ông N không còn chung sống với nhau từ tháng 6/2021 đến nay. Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông N không đến Tòa để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nên Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông N đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với ông Tống Giang N là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung:

Xét yêu cầu nuôi con chung: Bà T yêu cầu được nuôi hai con chung, hai con chung của bà T và ông N sinh sống cùng bà T từ tháng 6/2021 đến nay và đều đề nghị mẹ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông N không đến Tòa án để trình bày ý

kiến hay yêu cầu về trực tiếp nuôi con chung nên cần giao hai con chung nêu trên cho bà Ttrực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T không yêu cầu ông Ncấp dưỡng nuôi con chung. Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng nhưng ông N không đến Tòa án để trình bày ý kiến về cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của ông N.

Ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh T. Bà Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn ông Tống Giang N.

2. Về con chung:

- Giao con chung Tống Nhật Y - sinh ngày 06/11/2007 và Tống Gia B – sinh ngày 15/01/2013 cho bà Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

- Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của ông Tống Giang N.

- Ông Tống Giang N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà T, ông N có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0007641 ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D. Do đó, bà T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành, theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn nêu trên kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận**:*
-TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THA dân sự huyện D;
- UBND thị trấn D
(nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Tín